

Số: **196** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **15** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung
thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị; số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 3439/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 202/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045; số 1924/QĐ-UBND ngày

14/8/2024 về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 129/TTr-SXD ngày 16/6/2025 (kèm theo Văn bản thẩm định số 2293/SXD-QHKT ngày 12/6/2025 của Sở Xây dựng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ đến năm 2040 với nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới, diện tích lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch chung gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc địa giới hành chính thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ. Diện tích lập quy hoạch: 2.703,37 ha.

- Ranh giới lập quy hoạch chung: Phía Đông giáp xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ; phía Tây giáp xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ và xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình; phía Nam giáp xã Bàn Đạt và xã Tân Khánh, huyện Phú Bình; phía Bắc giáp xã Nam Hòa và xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ.

2. Tính chất đô thị, mục tiêu, động lực phát triển

- Tính chất: Thị trấn Trại Cau là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, du lịch, thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện; là trung tâm chuyên ngành về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế của một cụm liên xã.

- Mục tiêu, động lực phát triển: Cụ thể hóa các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Chương trình phát triển đô thị tỉnh. Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Trại Cau theo tiêu chí đô thị loại V; phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong đô thị.

3. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

- Dự báo đến năm 2030, dân số thị trấn khoảng 19.000 người; đất dân dụng khoảng 167,90 ha.

- Dự báo đến năm 2040, dân số thị trấn khoảng 20.370 người, đất dân dụng khoảng 180,58 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

4.1. Chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật: Đáp ứng tiêu chí đô thị loại V, tuân thủ theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (mã số QCVN 01:2021/BXD), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật (mã số QCVN 07:2023/BXD). Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

4.2. Hướng phát triển đô thị: Không gian đô thị phát triển từ khu vực trung tâm hiện hữu, theo trục đường Vành đai II làm trục động lực để phát triển đô thị (*khai thác liên kết ngoại vùng thông qua tuyến Vành đai II kết nối với Vành đai V và Quốc lộ 17*).

5. Tổ chức không gian đô thị

Không gian đô thị của Trại Cau định hướng phát triển theo 03 khu vực:

5.1. Khu vực trung tâm đô thị (khu I)

Chức năng: Trung tâm hành chính chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... Khu vực này cải tạo, chỉnh trang, mở rộng gắn với các khu chức năng phát triển mới để hình thành một khu đô thị đồng bộ, hiện đại. Phát triển kinh tế gắn với công nghiệp khai khoáng, du lịch văn hóa gắn với các di tích cấp tỉnh; các khu chức năng hiện hữu có phương án cải tạo, chỉnh trang, mở rộng gắn với các khu chức năng phát triển mới để hình thành một khu trung tâm đồng bộ, hiện đại.

5.2. Khu vực phát triển đô thị sinh thái, kết hợp khai thác dịch vụ, du lịch, bảo tồn giá trị cảnh quan và công trình di tích (khu II)

Chức năng: Ưu tiên phát triển các đô thị sinh thái, hình thành không gian đô thị mang nét đặc trưng văn hóa vùng miền, bảo tồn và phát huy được giá trị cảnh quan và các công trình di tích. Các khu vực đô thị hiện hữu sẽ được cải tạo, chỉnh trang, mở rộng gắn với các công trình thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa thể thao cấp đơn vị ở hiện hữu. Bố trí quỹ đất dự trữ phát triển đô thị.

5.3. Khu vực phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, kết hợp du lịch tâm linh, hình thành không gian xanh đô thị (khu III)

Chức năng: Khu vực bảo tồn, phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, kết hợp dịch vụ - du lịch tâm linh, hình thành không gian xanh đô thị.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	
		Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Khu đất dân dụng	167,9	180,58
2	Khu đất ngoài dân dụng	386,22	394,56
3	Khu đất nông nghiệp và chức năng khác	2.149,25	2.128,23
	Tổng cộng	2.703,37	2.703,37

7. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

7.1. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm hành chính - chính trị

Cơ quan hành chính đô thị Trại Cau định hướng quy hoạch ở khu vực tổ dân phố Bảo Nang, giáp trục VĐ.II và hồ Bảo Nang, đáp ứng tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định, bao gồm các công trình: Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQ cấp xã trong tương lai và các công trình phụ trợ.

7.2. Định hướng phát triển hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe

Nâng cấp, cải tạo về cơ sở vật chất Phân viện Trại Cau - thuộc Trung tâm y tế huyện Đồng Hỷ đảm bảo chất lượng phục vụ Nhân dân. Tại các khu đô thị, các khu chức năng đô thị bố trí các cơ sở y tế phục vụ Nhân dân đảm bảo quy định.

7.3. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo

- Trường Trung học phổ thông Trại Cau giữ nguyên vị trí, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non hiện trạng được quy hoạch chỉnh trang, mở rộng theo nhu cầu phát triển.

- Tại các khu đô thị, quy hoạch mới các công trình giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ Nhân dân theo quy định.

7.4. Định hướng phát triển công trình văn hóa

- Các công trình văn hóa cấp đô thị được quy hoạch tập trung tại khu trung tâm mới của thị trấn bao gồm: Trung tâm văn hóa - thể thao, nhà thiếu nhi, nhà văn hóa kết hợp cùng với khu cây xanh công cộng, mặt nước, hình thành cụm không gian công cộng. Quy hoạch quảng trường văn hóa ở vị trí phía trước công trình hành chính mới.

- Tại các khu đô thị, khu ở, quy hoạch các công trình văn hóa cấp đơn vị ở đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ Nhân dân theo quy định.

7.5. Định hướng phát triển công trình thể thao

- Quy hoạch mới sân vận động cấp đô thị quy mô 3,47 ha phục vụ tổ chức các hoạt động thể thao của thị trấn; quy hoạch sân thể thao cơ bản với quy mô diện tích 1,22ha. Các công trình này gắn với các công trình văn hóa, quảng trường, giao thông chung của khu trung tâm đô thị tạo không gian đô thị văn minh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu luyện tập thể thao của người dân.

- Tại các khu đô thị, quy hoạch các công trình thể thao, sân chơi cấp đơn vị ở đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ Nhân dân theo quy định.

7.6. Định hướng phát triển hệ thống công viên, cây xanh đô thị

- Quy hoạch khu công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí gắn kết với hệ thống sông Ngòi Ròng, suối Khe Măng, Ngàn Me... và không gian mặt nước tạo

không gian cảnh quan đô thị, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, cắm trại và các hoạt động dã ngoại cho người dân. Quy hoạch hệ thống cây xanh cảnh quan dọc theo các tuyến suối.

- Tại các đơn vị ở, nhóm nhà ở, các khu chức năng đô thị bố trí cây xanh, vườn hoa đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ theo quy định.

7.7. Định hướng phát triển, quản lý các công trình di tích, tôn giáo

Đô thị Trại Cau có 01 di tích cấp tỉnh là Quần thể di tích Đình - Chùa Bảo Nang, bao gồm Đình Bảo Nang và Chùa Bảo Nang, nơi thờ anh hùng dân tộc Dương Tự Minh. Các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa.

7.8. Định hướng phát triển các công trình thương mại, dịch vụ và du lịch

- Nâng cấp mở rộng chợ Trại Cau diện tích khoảng 1,15 ha; quy hoạch khu thương mại, dịch vụ có quy mô 1,78 ha nằm phía Tây chợ hiện trạng, với chức năng là khu thương mại, khu vui chơi, giải trí.

- Tại các đơn vị ở, các khu đô thị, khu ở, quy hoạch các công trình thương mại và dịch vụ cấp đơn vị ở đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ Nhân dân theo quy định.

- Phát triển du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, du lịch gắn với cảnh quan tự nhiên đặc trưng của đô thị miền núi.

7.9. Định hướng phát triển nhà ở, các khu vực hỗn hợp nhà ở và dịch vụ

- Quy hoạch các đơn vị ở đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, gắn kết thống nhất với hệ thống hạ tầng khung đô thị.

- Định hướng phát triển chung về nhà ở: Phát triển nhà ở (*thương mại, xã hội, tái định cư*) đồng bộ theo các dự án khu đô thị mới, khu dân cư xây mới; hình thành các nhóm nhà ở xây mới tại các khu đô thị, các khu dân cư hiện hữu được chỉnh trang đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và quy chế kiểm soát phát triển theo từng khu vực.

- Quy hoạch các khu đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ đối với các khu vực có dân cư hiện hữu phân bố phức tạp xen cài các loại đất dịch vụ, đất khác để đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý cũng như phát triển trong tương lai. Trong những khu vực này, chức năng sử dụng bao gồm: Đất ở hiện hữu, đất ở quy hoạch theo giai đoạn, đất công cộng - dịch vụ, trụ sở làm việc... và các loại đất khác.

7.10. Định hướng phát triển các công trình an ninh, quốc phòng

Các khu vực an ninh, quốc phòng bố trí đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp trên.

7.11. Hệ thống công trình dịch vụ công cộng trong đơn vị ở: Phải đảm bảo vị trí, quy mô, bán kính phục vụ Nhân dân theo quy định.

7.12. Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp và khoáng sản

Khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và khoáng sản tại đô thị Trại Cau phù hợp theo quy hoạch cấp trên. Việc quản lý thăm dò, khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định pháp luật về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường.

8. Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị

8.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ: Tuyến đường Vành đai 2, trục ngang N4, quốc lộ 17, đường tỉnh 269C, đường tỉnh 269F, đường huyện có thông số kỹ thuật theo Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện.

- Đường sắt: nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Kép - Lưu Xá đường đơn, khổ lòng 1.000mm và 1.435mm. Quản lý sử dụng hành lang an toàn đường sắt theo quy định.

b) Giao thông đô thị:

- Đường trục chính đô thị: cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện có, đảm bảo khả năng thông hành và kết nối. Xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo khoảng cách giữa hai đường 2.400 – 4.000 m và chiều rộng đường tối thiểu là 27m.

- Đường chính đô thị: cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện có, đảm bảo khả năng thông hành và kết nối. Xây dựng các tuyến đường chính đô thị ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo khoảng cách giữa hai đường 1.200 - 2.000 m và chiều rộng đường tối thiểu là 39m.

- Đường liên khu vực: cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện có, đảm bảo khả năng thông hành và kết nối. Xây dựng các tuyến đường liên khu vực ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo khoảng cách giữa hai đường 600 - 1.000m và chiều rộng đường tối thiểu là 27m.

- Đường chính khu vực: cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện có, đảm bảo khả năng thông hành và kết nối. Xây dựng các tuyến đường liên khu vực ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo khoảng cách giữa hai đường 300 - 500m và chiều rộng đường tối thiểu là 23m.

- Các trục đường cấp khu vực đảm bảo khả năng thông hành và kết nối. Đối với tuyến đường mới đảm bảo khoảng cách giữa hai đường và chiều rộng đường tối thiểu theo quy chuẩn.

c) Giao thông công cộng: Duy trì tuyến xe buýt hiện hữu, trong tương lai hình thành thêm tuyến mới kết nối Trại Cau, Phú Bình, Phổ Yên...

d) Các công trình phục vụ giao thông:

- Bến xe: định hướng đến năm 2030 đầu tư nâng cấp bến xe đạt tiêu chuẩn bến xe loại II.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch bãi đỗ xe tập trung đô thị đảm bảo tiêu chí đô thị.

8.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a) Giải pháp phòng chống lũ, thiên tai:

- Xây dựng mới các hồ điều hòa tại các khu công viên, khu đô thị, các khu chức năng của đô thị nhằm giảm áp lực ngập, lụt, úng, kết hợp tạo cảnh quan, môi trường.

- Khu vực hành lang sông, suối tuân thủ quy định về pháp luật phòng chống thiên tai. Đối với khu vực giáp sông suối bị ngập lụt, phải tổ chức hệ thống đê, kè (*đỉnh đê, kè cao hơn cao độ ngập lụt theo quy định*).

- Không bố trí dân cư và tổ chức các khu chức năng dân dụng tại khu vực thiên tai theo quy định.

b) Quy hoạch cao độ nền:

- Cao độ nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình phải cao hơn mực nước ngập tính toán ($P=2\%$) là 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp. Quy hoạch cao độ nền khu cây xanh, công viên được thiết kế với chu kỳ lặp lại mực nước ngập tính toán ($P=10\%$). Đối với khu vực ngoài đê, khu vực sông, suối không có đê bảo vệ, cao độ nền không chế thực hiện theo quy định.

- Khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ không chế, từng bước cải tạo để đồng bộ với cao độ chung của khu vực. Khu vực đồi núi có nền địa hình cao, tôn trọng, tận dụng địa hình và điều kiện tự nhiên, trường hợp cần thiết xử lý san nền cục bộ, ưu tiên hạn chế san gạt.

c) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống thoát nước mặt độc lập với thoát nước thải. Lưu vực và hướng thoát nước chia làm khoảng 04 lưu vực chính.

- Hệ thống mương, suối hiện trạng phải được bảo vệ theo quy định pháp luật về Bảo vệ tài nguyên nước và tuân thủ theo hành lang cấm mốc sông suối tại danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức mạng lưới thoát nước bám dọc các trục giao thông chính sau đó thoát về hệ thống mương, suối hiện trạng. Các tuyến cống tròn được tính toán thủy lực theo lượng mưa lớn nhất trung bình; nước mưa thu gom chảy ra các cửa xả ở cuối lưu vực.

8.3. Định hướng cấp nước, phòng cháy chữa cháy

- Nguồn nước cấp cho khu vực đô thị Trại Cau được lấy từ nhà máy nước Trại Cau hiện hữu và nhà máy nước Trại Cau 2 quy hoạch mới.

- Mạng lưới truyền dẫn chính khu vực trung tâm thị trấn hiện hữu được cấp nước từ nhà máy nước Trại Cau thông qua hệ thống đường ống hiện hữu, khu vực phát triển mới sẽ được cấp nước từ nhà máy nước Trại Cau 2 đầu nối hệ thống đường ống truyền tải DN300mm chạy theo QL.17 từ nhà máy nước Trại Cau 2 về khu vực trung tâm mới.

- Mạng lưới phân phối được thiết kế có đường kính tối đa đến DN 300 mm.

- Sử dụng mạng lưới chữa cháy kết hợp chung với cấp nước sinh hoạt; hòng cứu hỏa (*trụ nổi hoặc hòng ngầm dưới mặt đất*) đảm bảo khoảng cách tối đa giữa các hòng là 150 m; phải được đặt trên các tuyến ống có đường kính >DN110 mm. Bố trí tuyến thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy cùng hệ thống cáp viễn thông.

- Quy hoạch trụ sở đội phòng cháy chữa cháy với diện tích 1,39 ha tại Tổ dân phố 6, vị trí quy hoạch tiếp giáp với đường ĐT.269C và suối hiện trạng. Vị trí quy hoạch đảm bảo bán kính phục vụ tối đa là 3 km đối với khu vực trung tâm đô thị và 5 km đối với các khu vực khác.

8.4. Định hướng cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện hiện nay cấp cho đô thị Trại Cau được lấy từ lộ đường dây 35kV lộ 371(E6.6); khu vực xã Tân Lợi (cũ) được cấp điện từ đường dây 471(E6.6). Giai đoạn dài hạn sau khi xây dựng trạm biến áp 110kV Trại Cau, nguồn cung cấp điện chính cho khu vực thị trấn mở rộng sẽ được đầu nối từ trạm 110kV Trại Cau.

- Lưới trung thế, hạ thế: Hạ ngầm ở khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới, các công trình công cộng đô thị; từng bước hạ ngầm mạng lưới trung thế hiện có; xây dựng mới các trạm hạ thế đáp ứng đủ nhu cầu và đảm bảo mỹ quan.

- Chiếu sáng: Hoàn thiện hệ thống chiếu sáng theo các quy chuẩn chiếu sáng đối với đô thị loại V.

8.5. Thông tin liên lạc

Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, trong đó tập trung phát triển hạ tầng mạng băng rộng. Phân đầu ngầm hóa mạng cáp ngoại vi; cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nguồn lực đầu tư, an toàn mạng lưới và mỹ quan đô thị. Phát triển hạ tầng đi đôi với đảm bảo an ninh quốc phòng, an ninh thông tin, an toàn mạng lưới. Hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định, an toàn.

Phát triển cáp quang băng rộng trên địa bàn đô thị. Phủ sóng thông tin di động 5G đến 100% trên địa bàn đô thị; đảm bảo bán kính phục vụ có một trạm truy nhập thông tin di động (bao gồm cả small cells 5G) tối thiểu đạt 0,5km/cột.

8.6. Thoát nước thải

- Quy hoạch 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực đô thị Trại Cau:
 - + Trạm xử lý cho lưu vực 1 (*Khu vực phía Tây đường tỉnh ĐT.269C, bao gồm phần trung tâm thị trấn hiện hữu và một phần khu vực Tổ dân phố Na Tiếm, Tổ dân phố Tân Thành*): công suất dự kiến 1.000m³/ng.đêm.
 - + Trạm xử lý cho lưu vực 2 (*Khu vực phía Đông đường tỉnh ĐT.269C, bao gồm một phần khu vực Tổ dân phố Tân Thành và các Tổ dân phố: Cầu Lưu, Bảo Nang, Làng Chàng*): công suất dự kiến 1.500m³/ng.đêm.
- Các tuyến cống thoát nước dự kiến có đường kính tối thiểu DN300, bố trí các tuyến ống thu gom nước thải dọc các dòng chảy tự nhiên và các khu vực bảo tồn nước mặt. Nước thải không đảm bảo chất lượng theo quy định không được thải ra môi trường đặc biệt là hệ thống nước mặt tự nhiên. Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung của khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m; tối đa là 5,0m tính tới đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn > 5,0m đặt trạm bơm chuyển tiếp.

8.7. Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn và thu gom về các trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí trong đô thị. Quy hoạch mới 06 trạm trung chuyển chất thải rắn bao gồm 05 trạm không cố định cỡ vừa và 01 trạm cố định cỡ nhỏ.
- Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn thị trấn được thu gom và mang đi xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn theo định hướng của Quy hoạch vùng huyện.
- Chất thải nguy hại được phân loại thu gom mang đi xử lý tại các khu xử lý chất thải rắn theo định hướng của Quy hoạch vùng huyện.

8.8. Nghĩa trang

- Từng bước đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ, nằm rải rác trong khu vực thị trấn, khoanh vùng trồng cây xanh, khi có điều kiện sẽ di dời về nghĩa trang tập trung của thị trấn.
- Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang Cầu Đã và Ao Nong đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường.

9. Quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Kiến trúc đô thị cần hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên.
- Kiến trúc mặt ngoài các công trình phải đảm bảo mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, môi trường và an toàn giao thông. Kiến trúc phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn kiến trúc công trình với tổng thể kiến trúc của khu vực.

- Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải đảm bảo yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông. Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị. Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác (nếu có) phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng.

10. Bảo vệ môi trường

Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

Cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây mới hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội thiết yếu như: Trung tâm thể dục thể thao, cơ sở y tế cấp đô thị, khu thương mại dịch vụ... hạ tầng kỹ thuật giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các công trình công cộng, sân chơi công cộng... Có thể thực hiện theo từng dự án hạ tầng đơn lẻ hoặc các dự án cải tạo đồng bộ các loại hạ tầng trong cùng một khu vực. Giai đoạn đến năm 2030, chủ yếu tập trung thực hiện đầu tư xây dựng các dự án đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất và trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cải tạo nâng cấp hạ tầng theo các tuyến đường chính đã được xác định trong quy hoạch chung và theo một số tuyến đường nội bộ có liên quan, các hạ tầng xã hội thiết yếu để phục vụ Nhân dân.

12. Danh mục các bản vẽ được phê duyệt kèm theo

- a) Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng.
- b) Bản đồ hiện trạng thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- c) Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- d) Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- đ) Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- e) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- g) Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất đô thị kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.
- h) Các bản vẽ thiết kế đô thị.

Điều 2. UBND huyện Đồng Hỷ tổ chức công bố công khai quy hoạch, cắm mốc giới quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch và quy định quản lý kèm theo; chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng nội dung bản đồ địa hình quốc gia theo pháp luật đo đạc và bản đồ và tính chính xác của nội dung hồ sơ, thông tin, số liệu bảo đảm đúng quy định pháp luật, không hợp thức các sai phạm (nếu có); tổ chức, quản lý việc thực hiện các quy hoạch chi tiết và các dự án thành phần trong khu vực theo quy hoạch được duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Dân tộc và Tôn giáo; Kho bạc Nhà nước khu vực VII; Chủ tịch UBND huyện Đồng Hỷ và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tua*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

tuantt.qđ/t6 *to*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan